

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Hoàng Nữ Ngọc Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trí Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Hiền, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trang Đ, sinh năm 1995; Số CCCD: 054195002234; Địa chỉ: thôn P, xã X, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988; Số CCCD: 042088019826; Địa chỉ: thôn T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Trang Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân Hòa kết H1 vào ngày 29/4/2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó ông H thường đánh đập, ngược đãi vợ con, có khi kê dao vào cổ hăm dọa đánh đập bà. Mâu thuẫn thường xuyên nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là [Nguyễn Ngọc Bảo C](#), sinh ngày 05/6/2022. Từ trước đến nay con do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không yêu cầu ông [Nguyễn Xuân H](#) cấp dưỡng. Bà là lao động tự do, có nhà ở riêng trên đất cha mẹ, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản sự việc ngày 14/01/2026, ông [Nguyễn Đình T](#) (anh trai) đã gọi điện thoại cho ông [Nguyễn Xuân H](#) và ông [H](#) trình bày: Ông và bà [Trần Thị Trang D](#) kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại tỉnh Phú Yên, sau khi cưới thì bà [D](#) ngoại tình và bỏ con về nhà ngoại ở Phú Yên từ khoảng tháng 3/2025, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn bà [D](#) yêu cầu ly hôn, ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà [D](#) giao con chung cho ông nuôi dưỡng. Ông bà có 01 con chung là [Nguyễn Ngọc Bảo C](#), sinh ngày 05/6/2022. Ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu bà [D](#) cấp dưỡng. Hiện nay thu nhập của ông khoảng 12.000.000 đồng/tháng, đang ở nhà cấp 4 cùng em ruột đảm bảo điều kiện cho bố con sinh hoạt nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Về tài sản không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Biên bản xác minh ngày 26/11/2025 tại nhà ông [Nguyễn Văn V](#) (bố đẻ ông [Nguyễn Xuân H](#)) thể hiện:

Ông [Nguyễn Xuân H](#) đăng ký thường trú tại gia đình ông [Nguyễn Văn V](#) ở [thôn T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#), học xong lớp 9 thì ông [H](#) vào các tỉnh phía nam làm công nhân và quen bà [D](#). Đến năm 2022 ông [H](#) và bà [D](#) đăng ký kết hôn tại tỉnh Phú Yên và hai vợ chồng tiếp tục ở lại làm công nhân ở các tỉnh phía nam được một thời gian thì gia đình nhận được thông tin vợ chồng mâu thuẫn nên bà [D](#) đưa con về Phú Yên và yêu cầu ly hôn. Từ khi có thông tin bà [D](#) yêu cầu ly hôn ông [H](#) ít liên lạc với gia đình, bà [D](#) yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông [H](#) và bà [D](#) có 01 con chung là [Nguyễn Ngọc Bảo C](#), sinh năm 2022, nếu bà [D](#) đủ điều kiện nuôi cháu thì gia đình đồng ý giao cho bà [D](#) nuôi dưỡng, trường hợp bà [D](#) không đủ điều kiện nuôi cháu thì chuyển về bên gia đình ông [H](#) nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công bố chứng cứ và hòa giải, xác minh và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 70; Điều 71; Điều 72;

Điều 203; khoản 4 Điều 207; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà [Trần Thị Trang Đ](#) và bị đơn ông [Nguyễn Xuân H](#).

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà [Trần Thị Trang Đ](#) được ly hôn ông [Nguyễn Xuân H](#).

3. Về con chung: Giao con chung [Nguyễn Ngọc Bảo C](#), sinh ngày 05/6/2022 cho bà [Trần Thị Trang Đ](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông [Nguyễn Xuân H](#) không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà [Trần Thị Trang Đ](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà [Trần Thị Trang Đ](#) khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con đối với ông [Nguyễn Xuân H](#), nên xác định là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú tại [thôn T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#), căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của [Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh](#).

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thông tin cư trú của bị đơn tại ông [Nguyễn Văn V](#) (cha đẻ của bị đơn) và liên lạc trực tiếp với bị đơn qua điện thoại nhưng bị đơn và cha đẻ của bị đơn chỉ cung cấp thông tin bị đơn đang làm việc ở các tỉnh phía nam không cung cấp địa chỉ cụ thể của bị đơn. Vì vậy, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ.

[2.2]. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ hai lần, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông [Nguyễn Xuân H](#) đều vắng mặt, Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn. Nguyên đơn bà [Trần Thị Trang Đ](#) đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định, tại phiên tòa ngày 30/01/2026 bị đơn ông [Nguyễn Xuân H](#) vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi

14 giờ 00 phút ngày 27/02/2026 nhưng bị đơn ông [Nguyễn Xuân H](#) vắng vắng mặt, nguyên đơn bà [Trần Thị Trang Đ](#) vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà [Trần Thị Trang Đ](#) và bị đơn ông [Nguyễn Xuân H](#).

[3]. Về quan hệ hôn nhân giữa bà [Trần Thị Trang Đ](#) và ông [Nguyễn Xuân H](#) là hợp pháp. Theo lời khai của bà [Đ](#), lời khai của ông [H](#) và kết quả xác minh xét thấy bà [Đ](#) và ông [H](#) thường xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 3/2025 vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, hai bên không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà [Trần Thị Trang Đ](#) yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân gia đình được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà [Trần Thị Trang Đ](#) và ông [Nguyễn Xuân H](#) 01 con chung là [Nguyễn Ngọc Bảo C](#), sinh ngày 05/6/2022, hiện nay cháu đang ở cùng bà [Đ](#). Bà [Đ](#) và ông [H](#) đều có yêu cầu nuôi con là chính đáng, xét điều kiện việc làm, thu nhập, nhà ở thấy rằng cả bà [Đ](#) và ông [H](#) đều là lao động tự do, có thu nhập đảm bảo để nuôi con. Song xét thấy cháu [Nguyễn Ngọc Bảo C](#) còn nhỏ và đang sinh sống ổn định với bà [Đ](#), còn ông [H](#) điều kiện làm việc và nơi cư trú không rõ ràng. Do vậy, giao con chung cho bà [Đ](#) trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, hợp tình, phù hợp với Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Bà [Đ](#) không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, miễn xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà [Trần Thị Trang Đ](#) và ông [Nguyễn Xuân H](#) không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Về án phí: Bà [Trần Thị Trang Đ](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà [Trần Thị Trang Đ](#) và bị đơn ông [Nguyễn Xuân H](#).

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Trang Đ được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/6/2022 cho bà Trần Thị Trang Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Xuân H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Xuân H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Trang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000441 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- T.H.A.D.S tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã X, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn